

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2018/HNGĐ-ST
Ngày 18-7-2018
V/v tranh chấp ly hôn, về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU – TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trang Thái Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Xuân Thanh;

2. Ông Trần H Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Danh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2018 về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Lệ T, sinh năm 1984. Địa chỉ cư trú: ấp X, xã Y, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

2. *Bị đơn:* anh Trương Văn H, sinh năm 1983. Địa chỉ cư trú: ấp X, xã Y, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15-3-2018 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Lệ T trình bày:

Chị và anh Trương Văn H kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Y, huyện Bến Cầu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 138 ngày 27-9-2006. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H thường xuyên đánh bạc, không chăm lo cho cuộc sống gia đình, mặc dù chị đã khuyên can nhiều lần nhưng anh H không thay đổi nên ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Xét thấy tình cảm không còn, không thể hàn gắn và thời gian ly thân đã lâu nên chị yêu cầu ly hôn với anh H.

- Về con chung: Chị và anh H có hai con chung tên Trương Thị Diễm Mi, sinh ngày 13-5-2007 và Trương Văn Cam, sinh ngày 31-10-2012, hiện đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Mi, cháu Cam, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị và anh H không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Chị cam kết vợ chồng không có nợ ai.

Bị đơn anh Trương Văn H đã khai: Về quan hệ hôn nhân đúng như lời trình bày của chị T. Anh và chị T kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị T thường xuyên đi làm về trễ nên anh có nghi ngờ tình cảm của chị T đối với người đàn ông khác từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Anh vẫn còn thương yêu vợ con, mong muốn gia đình hàn gắn nên anh không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

- Về con chung: Anh và chị T có hai con chung tên Trương Thị Diễm Mi, sinh ngày 13-5-2007 và Trương Văn Cam, sinh ngày 31-10-2012, hiện đang sống với chị T. Khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi cháu Mi, cháu Cam, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh và chị T không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Anh cam kết vợ chồng không có nợ ai.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã thực hiện đúng qui định pháp luật. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do là chưa chấp hành và chưa thực hiện đúng về quyền, nghĩa vụ tố tụng. Kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án Kiểm sát viên chưa thấy vấn đề vi phạm tố tụng.

Về nội dung: Chị T và anh H kết hôn và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Qua làm việc, anh H thừa nhận cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không đồng ý ly hôn. Quá trình thu thập chứng cứ thể hiện, tháng 12-2016 chị T nộp đơn xin ly hôn với anh H tại Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu nhưng sau đó rút đơn để hòa giải hàn gắn nhưng không thành, đến tháng 3 năm 2018 chị T tiếp tục nộp đơn xin ly hôn. Quá trình giải quyết, Tòa án tiến hành hoà giải cho chị T và anh H có cơ hội hàn gắn, đoàn tụ nhưng anh H không đến mà không có lý do, điều đó thể hiện anh H không có thiện chí hòa giải. Về con chung: Chị T và anh H có hai con chung tên Trương Thị Diễm Mi, sinh ngày 13-5-2007 và Trương Văn Cam, sinh ngày 31-10-2012, hiện đang sống với chị T. Chị T yêu cầu được nuôi con và cháu Mi có nguyện vọng được tiếp tục sống với chị T nên giao cháu Mi, cháu Cam cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh H không yêu nên không xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T đối với anh H.

Về án phí: Buộc chị T phải chịu án phí; anh H không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh H, anh H có địa chỉ cư trú tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu thụ lý và giải quyết là đúng theo qui định tại Điều 28, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết, anh H đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ nhưng anh H vắng mặt không có lý do, áp dụng khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H, anh H phải chịu hậu quả của việc không cung cấp chứng cứ và không thực hiện theo qui định tại các Điều 6, 72 , 91 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh H kết hôn vào năm 2006, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 138 ngày 27-9-2006 là hôn nhân hợp pháp. Qua làm việc, anh H thừa nhận mâu thuẫn là do nghi ngờ tình cảm, không phải do anh H đánh bạc mà không chăm lo cho gia đình nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, quá trình thu thập chứng cứ thể hiện, tháng 12 năm 2016 chị T nộp đơn ly hôn anh H tại Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu với lý do là anh H ham chơi không lo làm ăn và chăm sóc gia đình nhưng sau đó chị T rút đơn để chị T và anh H có thời gian hòa giải nhưng đến nay đã hơn một năm vẫn không hòa giải được và ly thân cho đến nay. Đến tháng 3 năm 2018 chị T tiếp tục nộp đơn xin ly hôn, do đó có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng là do anh H ham chơi không lo làm ăn để chăm lo cho gia đình. Mặt khác, anh H không đồng ý ly hôn nhưng Tòa án đã triệu tập anh H để hoà giải, hàn gắn nhiều lần nhưng anh H không đến mà không có lý do, điều đó chứng tỏ anh H không có thiện chí để hoà giải, hàn gắn vợ chồng và cũng không có biện pháp khắc phục. Do đó thấy rằng mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã đến mức trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh H là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị T và anh H thống nhất có hai con chung tên Trương Thị Diễm Mi, sinh ngày 13-5-2007 và Trương Văn Cam, sinh ngày 31-10-2012. Xét thấy từ ngày ly thân đến nay chị T chăm sóc cháu Mi và cháu Cam đảm bảo điều kiện về vật chất, tinh thần và theo nguyện vọng của cháu Mi muốn sống với chị T nên giao cháu Mi và cháu Cam cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo qui định Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, ghi nhận chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh H trình bày không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Lệ T phải chịu án phí theo qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; anh H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Lệ T đối với anh Trương Văn H. Chị T được ly hôn với anh H.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trương Thị Diễm Mi, sinh ngày 13-5-2007 và Trương Văn Cam, sinh ngày 31-10-2012 cho chị Nguyễn Lệ T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Không ai được cản trở anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Lệ T và anh Trương Văn H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Lệ T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, cho khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0021331 ngày 15-3-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Anh Trương Văn H không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Nguyễn Lệ T có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trương Văn H có quyền kháng lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp pháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã Y (lưu);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trang Thái Châu